

Số: 10 /2025/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày 24 tháng 6 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 các cấp ngân sách của chính quyền địa phương tỉnh Thái Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025;

Thực hiện Văn bản số 4205/BTC-NSNN ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài chính, ngân sách nhà nước khi tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Thực hiện Văn bản số 8911/BTC-NSNN ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài chính, ngân sách nhà nước khi tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Thực hiện Thông báo kết luận số 1568-TB/TU ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 các cấp ngân sách của chính quyền địa phương tỉnh Thái Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh;



Xét Tờ trình số 111/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 các cấp ngân sách của chính quyền địa phương tỉnh Thái Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 22/BC-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 các cấp ngân sách của chính quyền địa phương tỉnh Thái Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình.

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 các cấp ngân sách của chính quyền địa phương tỉnh Thái Bình, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Bổ sung khoản 3 Điều 5 như sau:

“3. Định mức phân bổ chi Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên: Quỹ tiền lương, các khoản đóng góp theo quy định của pháp luật; chi hoạt động bảo đảm cơ cấu tỷ lệ chi cho con người và chi hoạt động thường xuyên là 85%-15%”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND như sau:

“2. Khối phòng bệnh tuyến tỉnh: Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành do ngân sách nhà nước bảo đảm. Chi hoạt động phân bổ theo số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp thẩm quyền giao; định mức chi hoạt động tối đa bằng 80% định mức chi quản lý nhà nước tương đương; ngoài ra được tính thêm các nhiệm vụ đặc thù theo khả năng cân đối ngân sách.

Đối với Trung tâm y tế: Ngân sách nhà nước đảm bảo lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo quy định hiện hành. Chi hoạt động phân bổ bằng 85% định mức chi quản lý nhà nước tương đương”.

3. Sửa đổi tên “Chương IV. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp xã” thành “Chương III. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp xã”.

4. Chuyển Điều 19 thành Điều 8 và sửa đổi như sau:

**“Điều 8. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế**

1. Sự nghiệp giao thông: Bằng tổng định mức của các xã, phường, thị trấn trước khi sáp nhập (định mức trước khi sáp nhập là 70 triệu đồng/xã, phường, thị trấn).

2. Sự nghiệp nông nghiệp, khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư, khuyến diêm, phòng chống dịch bệnh (có chế độ phụ cấp cán bộ làm công tác khuyến ở xã); thủy lợi nội đồng; phòng chống lụt bão thiên tai: Bằng tổng định mức của các xã, phường, thị trấn trước khi sáp nhập (định mức trước khi sáp nhập là 50 triệu đồng/xã, 25 triệu đồng/thị trấn, phường).

3. Duy tu bảo dưỡng công trình phục vụ công cộng, sự nghiệp kiến thiết thị chính, tài nguyên địa chính (gồm cả khảo sát giá đất), sự nghiệp kinh tế khác: Bằng tổng định mức của các xã, phường, thị trấn trước khi sáp nhập (định mức trước khi sáp nhập là 100 triệu đồng/xã, phường, thị trấn; riêng thị trấn bổ sung thêm sự nghiệp kiến thiết thị chính mức 500 triệu đồng/thị trấn”).

5. Chuyển Điều 20 thành Điều 9 và sửa đổi khoản 1 như sau:

**“Điều 9. Định mức phân bổ chi sự nghiệp môi trường**

1. Hoạt động thường xuyên về môi trường: Bằng tổng định mức của các xã, phường, thị trấn trước khi sáp nhập (định mức trước khi sáp nhập là 30 triệu/xã, phường, thị trấn”).

6. Chuyển Điều 21 thành Điều 10 và sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 10. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục**

1. Sự nghiệp giáo dục Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở.

a) Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo quy định của pháp luật được tính theo số giáo viên biên chế thực có mặt; trong quá trình thực hiện dự toán ngân sách, nếu có sự biến động về quỹ lương, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định cụ thể.

b) Kinh phí hoạt động thường xuyên:

- Chi hoạt động sự nghiệp giáo dục của các phòng văn hóa - xã hội xã, phường: Mức 3% kinh phí hoạt động của trường.

- Kinh phí khen thưởng của ngành: Mức 0,75% kinh phí sự nghiệp giáo dục.

- Cấp học Mầm non: Định mức phân bổ theo đầu trường 85 triệu đồng/01 trường/năm; định mức phân bổ theo đầu học sinh là 0,45 triệu đồng/ 01 học sinh/năm.

- Cấp Tiểu học: Định mức phân bổ theo đầu trường 200 triệu đồng/01 trường/năm; định mức phân bổ theo đầu học sinh là 01 triệu đồng/01 học sinh/năm.

- Cấp Trung học cơ sở: Định mức phân bổ theo đầu trường 200 triệu đồng/01 trường/năm; định mức phân bổ theo đầu học sinh là 0,75 triệu đồng/01 học sinh/năm.

- Trường Tiểu học và Trung học cơ sở: Định mức phân bổ theo đầu trường 380 triệu đồng/01 trường/năm; định mức phân bổ theo đầu học sinh là 0,75 triệu đồng/01 học sinh trung học cơ sở/năm và 01 triệu đồng/01 học sinh tiểu học/năm.

2. Trung tâm chính trị xã, phường: Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo quy định của pháp luật. Chi hoạt động bằng 85% định mức chi quản lý nhà nước tương đương (đã bao gồm kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch và các nội dung chi khác).

3. Chi hoạt động sự nghiệp giáo dục cấp xã: Bằng tổng định mức của các xã, phường, thị trấn trước khi sáp nhập (định mức trước khi sáp nhập là 40 triệu đồng/xã, phường, thị trấn; bao gồm cả công tác khuyến học và hoạt động của Trung tâm Học tập cộng đồng và các nội dung chi khác).

4. Kinh phí thực hiện các chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo các quy định hiện hành (nếu có). Kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non trong đó có kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ em 3 tuổi đến 5 tuổi theo các quy định hiện hành.”.

7. Chuyển Điều 22 thành Điều 11 và sửa đổi như sau:

**“Điều 11. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình**

1. Quỹ lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương của Trạm y tế xã, phường và cán bộ dân số xã, phường theo quy định hiện hành. Chế độ phụ cấp, bảo hiểm y tế cho cán bộ y tế thôn, tổ dân phố kiêm thêm chức năng, nhiệm vụ của công tác viên dân số theo quy định hiện hành.

2. Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng cựu chiến binh, thanh niên xung phong, đối tượng tham gia kháng chiến, bảo vệ tổ quốc và đối tượng khác theo quy định của pháp luật: Xác định theo số đối tượng và chế độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định.

3. Chi hoạt động của trạm y tế phân bổ theo mức 55 triệu đồng/01 trạm y tế (tính theo số xã sau sáp nhập; bao gồm kinh phí hỗ trợ điều trị Mathadone, phụ cấp đặc thù theo Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch, kinh phí hoạt động của Trạm y tế, công tác dân số kế hoạch hóa gia đình).

4. Chi hoạt động bằng tổng định mức của các xã, phường, thị trấn trước khi sáp nhập (định mức trước khi sáp nhập là 20 triệu đồng/xã, phường, thị trấn) để thực hiện các nhiệm vụ trên địa bàn theo phân cấp.

8. Chuyển Điều 23 thành Điều 12 và sửa đổi khoản 1, bổ sung khoản 3 như sau:

**“Điều 12. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể thao và du lịch**

1. Phân bổ mức bằng tổng định mức của các xã, phường, thị trấn trước khi sáp nhập (định mức trước khi sáp nhập là 25 triệu đồng/xã, phường, thị trấn).

2. Trung tâm văn hóa thể thao xã, phường: Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo quy định hiện hành. Chi hoạt động phân bổ theo biên chế giao bằng 85% định mức chi quản lý nhà nước tương đương”.

9. Chuyển Điều 24 thành Điều 13 và sửa đổi như sau:

**“Điều 13. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền thanh**

Phân bổ mức bằng tổng định mức của các xã, phường, thị trấn trước khi sáp nhập (định mức trước khi sáp nhập là 20 triệu đồng/xã, phường, thị trấn)”.

10. Chuyển Điều 25 thành Điều 14 và sửa đổi như sau:

**“Điều 14. Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội**

1. Phân bổ mức bằng tổng định mức của các xã, phường, thị trấn trước khi sáp nhập (định mức trước khi sáp nhập là 25 triệu đồng/xã, phường, thị trấn).

2. Kinh phí chế độ cho cán bộ xã nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 130-CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng; trợ cấp đối tượng huy hiệu 50 năm tuổi Đảng; chế độ mai táng phí cho các đối tượng cựu chiến binh, tham gia kháng chiến bảo vệ tổ quốc; trợ cấp cho thanh niên xung phong và đối tượng khác theo quy định của nhà nước: Xác định theo đối tượng và chế độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Quà và kinh phí mừng thọ cho người cao tuổi theo Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình: Xác định theo chế độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng, mai táng phí đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021, Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ: Xác định theo số đối tượng và chế độ cấp có thẩm quyền quy định. Kinh phí thực hiện phương án chi trả trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội qua hệ thống Bưu điện mức 1,4 triệu đồng/điểm chi trả/tháng.



5. Kinh phí thăm hỏi, tặng quà các gia đình và đối tượng chính sách người có công bằng tiền mặt mức 400.000 đồng/đối tượng/năm. Kinh phí tặng quà dịp Tết cho hộ nghèo mức 500.000 đồng/hộ/năm.

6. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo quy định hiện hành”.

11. Chuyển Điều 26 thành Điều 15 và sửa đổi như sau:

**“Điều 15. Định mức phân bổ chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể**

1. Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, chế độ cho cán bộ, công chức xã, phường xác định theo biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chế độ, chính sách cho người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và những đối tượng khác theo quy định pháp luật chuyên ngành: xác định theo đối tượng và chế độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Kinh phí chi cho các đối tượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ: theo số lượng hợp đồng được cấp có thẩm quyền giao.

3. Chi hoạt động:

a) Quản lý nhà nước:

- Đối với cán bộ, công chức xã, phường (là cán bộ, công chức cấp huyện chuyển về do kết thúc hoạt động của cấp huyện): Công chức thuộc các phòng, ban chuyên môn mức 28 triệu đồng/01 biên chế; công chức thuộc cơ quan Đảng, tổ chức chính trị xã hội mức 32 triệu đồng/01 biên chế.

- Đối với cán bộ, công chức xã, phường (không phải là cán bộ, công chức cấp huyện chuyển về do kết thúc hoạt động của cấp huyện) mức 17,5 triệu đồng/biên chế

Định mức phân bổ trên để đảm bảo hoạt động thường xuyên tối thiểu của các cơ quan, đơn vị, bao gồm: Các khoản chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan (khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị, tổng kết; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng, công tác tôn giáo, một cửa, tiếp dân, hoạt động các Ban chỉ đạo cấp xã); các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm (chi nghiệp vụ chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực; chi tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện thủ tục pháp lý, thủ tục hành chính, thực hiện công tác hoà giải cơ sở; chi hoạt động kiểm tra, giám sát mang tính chất thường xuyên; kinh phí mua sắm công cụ, dụng cụ, trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định; kinh phí sửa chữa nhỏ tài sản; chi hỗ trợ hoạt động thôn, tổ dân phố; kinh phí viễn thông phục vụ các điểm cầu họp

trực tuyến) và các chế độ chính sách theo quy định của cấp có thẩm quyền ban hành đến nay còn hiệu lực thi hành..

Hỗ trợ hoạt động thanh tra nhân dân: Bằng tổng định mức của các xã, phường, thị trấn trước khi sáp nhập (định mức trước khi sáp nhập là 06 triệu đồng/xã, phường, thị trấn theo Nghị quyết số 23/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh).

Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự, quản lý, sử dụng pháo, vũ khí, vật liệu nổ dịp Tết Nguyên đán: Bằng tổng định mức của các xã, phường, thị trấn trước khi sáp nhập (định mức trước khi sáp nhập 03 triệu đồng/xã, phường, thị trấn).

Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự, quản lý, sử dụng pháo vũ khí, vật liệu nổ dịp Tết Nguyên đán; thực hiện công tác tuyên truyền, phối hợp nắm nguồn, đôn đốc, động viên thanh niên nhập ngũ ở thôn, tổ dân phố để phục vụ công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và phục vụ các hoạt động công tác theo nhiệm vụ kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã, phường: 15 triệu đồng/thôn, tổ dân phố loại 1; 13 triệu đồng/thôn, tổ dân phố loại 2; 11 triệu đồng/thôn, tổ dân phố loại 3.

b) Hoạt động Hội đồng nhân dân: Chế độ chính sách đối với đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định; hoạt động Hội đồng nhân dân mức bằng tổng định mức của các xã, phường, thị trấn trước khi sáp nhập (định mức trước khi sáp nhập là 60 triệu đồng/xã, phường, thị trấn) để thực hiện các nhiệm vụ chi theo Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Hoạt động Đảng: Phụ cấp trách nhiệm cấp ủy theo Quyết định số 3115-QĐ/VPTW ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Văn phòng Trung ương Đảng, phụ cấp báo cáo viên tính theo số đối tượng thực tế. Hoạt động đảm bảo theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về quy định chế độ hoạt động công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở mức bằng tổng định mức của các xã, phường, thị trấn trước khi sáp nhập (định mức trước khi sáp nhập là 115 triệu đồng/xã, phường, thị trấn; có cả hoạt động chi bộ, không bao gồm đảng phí được trích lại theo quy định, không bao gồm tiền mua báo, tạp chí của Đảng).

d) Tổ chức chính trị xã hội (Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên): Bằng tổng định mức của các xã, phường, thị trấn trước khi sáp nhập (định mức trước khi sáp nhập là 100 triệu đồng/05 đoàn thể/xã, phường, thị trấn).

Bổ sung cho Mặt trận Tổ quốc cấp xã kinh phí thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” theo Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân

tỉnh và thực hiện giám sát, phản biện xã hội, làm đầu mối để tổ chức đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với nhân dân: Bằng tổng định mức của các xã, phường, thị trấn trước khi sáp nhập (định mức trước khi sáp nhập là 20 triệu đồng/xã, phường, thị trấn).

đ) Các hội có tính chất đặc thù được giao biên chế được ngân sách cấp kinh phí hoạt động theo số biên chế được giao, bao gồm chi quỹ tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo thực tế và chi hoạt động thường xuyên theo định mức của cơ quan hành chính nhà nước 27 triệu đồng/biên chế/năm.

Các hội có tính chất đặc thù được giao định suất hợp đồng lao động để hỗ trợ kinh phí hoạt động: Chi hoạt động phân bổ theo định suất hỗ trợ được giao mức 27 triệu đồng/01 định suất.

Hội đặc thù có lãnh đạo chuyên trách là người đã nghỉ hưu thì được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

e) Hỗ trợ tổ chức xã hội nghề nghiệp (Hội Chữ thập đỏ, Hội Người cao tuổi, tổ chức xã hội, nghề nghiệp khác): Bằng tổng định mức của các xã, phường, thị trấn trước khi sáp nhập (định mức trước khi sáp nhập là 34 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm)".

12. Chuyển Điều 27 thành Điều 16 và sửa đổi như sau:

**“Điều 16. Định mức phân bổ chi an ninh quốc phòng**

1. An ninh: bảo đảm chế độ cho lực lượng an ninh trật tự ở cơ sở theo chế độ quy định; hoạt động an ninh mức bằng tổng định mức của các xã, phường, thị trấn trước khi sáp nhập (định mức trước khi sáp nhập là 20 triệu đồng/xã, phường, thị trấn).

2. Quốc phòng: Bảo đảm chế độ phụ cấp và trợ cấp ngày công huấn luyện theo Luật Dân quân tự vệ; hoạt động quốc phòng mức bằng tổng định mức của các xã, phường, thị trấn trước khi sáp nhập (định mức trước khi sáp nhập là 30 triệu đồng/xã, phường, thị trấn); bổ sung thêm cho công tác biên phòng các xã ven biển mức bằng tổng định mức của các xã, thị trấn trước khi sáp nhập (định mức trước khi sáp nhập là 20 triệu đồng/xã, thị trấn ven biển)".

13. Chuyển Điều 28 thành Điều 17.

14. Chuyển Điều 29 thành Điều 18.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.



2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Nghị quyết này bãi bỏ khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 các cấp ngân sách của chính quyền địa phương tỉnh Thái Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; bãi bỏ Chương III Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 các cấp ngân sách của chính quyền địa phương tỉnh Thái Bình.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khóa XVII Kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2025. / Whe*

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực XI;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- Phòng giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước Khu vực V;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- Thường trực Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;
- Báo Thái Bình; Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử Thái Bình; Trang thông tin điện tử Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, CTHĐ.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tiến Thành**

